

Số: 234 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thực hiện Quyết định số 378/QĐ-TTr ngày 17/9/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 24/9/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 07/10/2024 và báo cáo giải trình ngày 21/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303576603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/7/2024.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh: hoạt động tư vấn quản lý.
- Điện thoại giao dịch: 02862563862/0559841842.
- Số tài khoản 10220032284017, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần kỹ thương Việt Nam (Teckcombank).
- Số đơn vị trực thuộc: 01 Văn phòng đại diện tại Hà Nội.
- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người làm việc: 104 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở.

- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp thông qua tổ chức dịch vụ việc làm hoặc tự tuyển dụng người lao động để làm việc cho doanh nghiệp.

- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 50 người.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a) Giao kết hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 104 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 104 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 27 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 77 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
 - Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (Bùi Ngọc Huy, Đỗ Phương Thúy, Lê Thị Linh Đan, Nguyễn Thanh Phú, Phan Công Thiện) mục công việc phải làm ghi “tùy vào năng lực của người lao động và nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có quyền điều chuyển sang công việc hoặc vị trí khác, trong phạm vi quy định của pháp luật”; mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo quy định của Công ty”.

b) Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 47 người, trong đó: 02 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 23.447.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Năm 2023, 2024 doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc. Không phát sinh đối thoại khi có vụ việc và khi có yêu cầu.
- Doanh nghiệp đang thực hiện TULĐTT ký ngày 11/10/2021 (có thời hạn 03 năm), đã gửi TULĐTT đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/10/2021, với nhiều nội dung có lợi cho người lao động so với quy định của pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/10/2021, với nhiều nội dung có lợi cho người lao động so với quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp đã xây dựng, ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại Quyết định số 01/2024/QĐ-MSN ngày 01/01/2024 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 6.000.000 đồng/tháng.
- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 13.600.000 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 488.500.000 đồng/tháng.

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).

- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản mở tại ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

- Doanh nghiệp đang áp dụng thang lương, bảng lương và định mức lao động có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động: thực hiện theo quy định (không phát sinh khấu trừ trái luật).

- Tiền ăn ca: 50.000 đồng/suất/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc 08 giờ/ngày, 40 giờ/tuần (nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật).

- Doanh nghiệp không huy động người lao động làm thêm giờ.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đang áp dụng nội quy lao động đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương (Thông báo số 75/TB-LĐTBXH ngày 15/4/2021); chưa gửi nội quy lao động đã đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương nơi đặt Văn phòng đại diện của doanh nghiệp (thành phố Hà Nội).

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động: 0 vụ.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 51 người.
- Các quy định riêng đối với lao động nữ:
 - + Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
 - + Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.
 - + Việc hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: chưa thực hiện.
 - + Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

- Tổng số lao động là người nước ngoài: 06 người.
- Số lao động là người nước ngoài thuộc đối tượng phải cấp giấy phép lao động: 06 người.
- Số lao động đã được cấp giấy phép lao động: 06 người (công việc, địa điểm và thời hạn làm việc trong hợp đồng lao động đúng với giấy phép lao động); số lao động chưa được cấp giấy phép lao động: 0 người.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 02 người lao động cao tuổi; không thỏa thuận giảm giờ làm cho lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm theo quy định.
- Số người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động: 01 người (ông Đinh Tiến Lộc) theo Quyết định số 408/QĐ-MSN ngày 22/4/2024 của Phó tổng giám đốc.
- Đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Y Khoa Chac 2 để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Doanh nghiệp không sử dụng các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.
- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh của người lao động, không có chữ ký của người lao động và người lập sổ.

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 104 người (trong đó 06 lao động là người nước ngoài không thuộc đối tượng tham gia BHTN, đã gộp với tiền lương chức danh ghi trong hợp đồng lao động).

+ Số người đã tham gia: 102 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 02 người lao động cao tuổi (mức lương chức danh công việc của người lao động đã bao gồm khoản tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động, được ghi trong hợp đồng lao động).

- Số tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN chậm đóng tại thời điểm ngày 30/8/2024: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Doanh nghiệp thông qua tổ chức dịch vụ việc làm hoặc tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 02 lao động đủ điều kiện hưởng.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.9. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng, người sử dụng lao động trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.11. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.12. Đã hỗ trợ bữa ăn ca mức 50.000 đồng/người/ngày.

1.13. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

1.14. Nội quy lao động đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.15. Trong thời kỳ thanh tra, không phát sinh việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, bồi thường trách nhiệm vật chất.

1.16. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.17. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.18. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; bố trí cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.19. Đã ký hợp đồng với cơ sở y tế để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

1.20. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định.

1.21. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.22. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

1.23. Sử dụng lao động là người nước ngoài làm việc đúng với giấy phép lao động.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Mục công việc phải làm trong hợp đồng lao động giao kết với người lao động ghi “tùy vào năng lực của người lao động và nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có quyền điều chuyển sang công việc hoặc vị trí khác, trong phạm vi quy định của pháp luật”; mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo quy định của Công ty” là không đúng quy định tại khoản 3, khoản 8 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Chưa gửi nội quy lao động đã được đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương nơi đặt văn phòng đại diện của doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Bộ luật Lao động.

2.5. Doanh nghiệp chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.6. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh của người lao động, không có chữ ký của người lao động và người lập sổ theo Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết Luật Khám chữa bệnh.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra như sau:
 - Các sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.3 và 2.6 khắc phục khi có phát sinh.
 - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục xong các sai phạm còn lại.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại Mục 1 Phần VI Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/11/2024./

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Chánh thanh tra (đề b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn

1 XA HỒI 5